

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-PT

Ngày: 08/6/2020

V/v “ *Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng* ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Ngọc Hà
- *Các Thẩm phán:* Ông Mai Tân Hoàng và ông Nguyễn Hữu Trúc
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:* Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2020/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần K; Địa chỉ: 40-42-44 đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Chi nhánh tỉnh Phú Yên làm đại diện theo ủy quyền (*Giấy ủy quyền lập ngày 18/10/2019 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần K - chi nhánh Phú Yên*). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Sô Minh T, sinh năm 1966 và bà Lê Mo L, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**Người kháng cáo:** bị đơn ông Sô Minh T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Đại diện nguyên đơn trình bày như sau:* Ngày 04/9/2015, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với vợ chồng ông Sô Minh T, bà Lê Mo L có ký hợp đồng tín dụng số 342/15/HĐHM/2300-4951; Hợp đồng nguyên tắc sửa đổi, bổ sung số 342/15/HĐHM/2300-4951-01 ngày 20/10/2016 Hợp đồng tín dụng từng lần số 379/18/HĐHM/2300-451 ngày 04/6/2018. Theo đó Ngân hàng cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 205.000.000đ với mục đích để trồng mía và nuôi bò; thời gian vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, tức đến ngày 04/6/2019 đến hạn.

Để bảo đảm tiền vay vợ chồng bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 72, diện tích 2.016m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện S trong đó có đất ở 500m<sup>2</sup>, đất sản xuất 1516m<sup>2</sup>. Quyền sử dụng đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP737977 do UBND huyện S cấp ngày 30/01/2015 cho Ngân hàng thông qua hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 140/15/HĐTC-BĐS/2300-4951 ngày 04/9/2015 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số: 140/15/HĐTC-BĐS/2300-4951-01 ngày 20/10/2016. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 140/15/HĐTC-BĐS/2300-4951 ngày 04/9/2015 đã được công chứng, đăng ký đúng theo pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 14/11/2019, vợ chồng bị đơn còn nợ số tiền 202.804.870 (trong đó tiền gốc 201.000.000đ, lãi quá hạn 20 ngày là 1.804.870đ). Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần số tiền trên. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 72, diện tích 2.016m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện S (trong đó đất ở 500m<sup>2</sup>, đất sản xuất 1516m<sup>2</sup>) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP737977 do UBND huyện S cấp ngày 30/01/2015.

Tòa án nhân dân huyện S đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm B khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS, Khoản 16 Điều 4, Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần K.

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Sô Minh T, bà Lê Mo L có nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền 202.804.870đ (Trong đó gốc 201.000.000đ, lãi quá hạn 20 ngày là 1.804.870đ). Kể từ ngày 15/11/2019, bị đơn vợ chồng Sô Minh T và bà Lê Mo L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng theo lãi suất tại các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: quyền sử dụng tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 72, diện tích 2.016m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện S (trong đó đất ở 500m<sup>2</sup>, đất sản xuất 1.516m<sup>2</sup>) đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BP737977 do UBND huyện S cấp ngày 30/01/2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thời hạn kháng cáo.

Ngày 28/01/2019, bị đơn ông Sô Minh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm vì vợ chồng ông đã trả 40.000.000đ cho ngân hàng rồi.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

-Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

-Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng bị đơn Sô Minh T, bà Lê Mo L có nghĩa vụ trả số tiền 211.789.740 (Trong đó tiền nợ gốc là 193.000.000đ, lãi quá hạn là 18.789.740đ) cho nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện ngày 21/8/2019, nguyên đơn Ngân hàng cổ phần thương mại K yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi là 222.561.247đ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả theo hợp đồng tín dụng là 202.804.870đ (Trong đó: tiền nợ gốc là 201.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 1.804.870đ). Căn cứ Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ giữa ngân hàng và bị đơn thì hai bên ký kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng, Điều 280 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 202.804.870đ là có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo trình bày đã trả cho Ngân hàng tổng cộng đã trả 40.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm chưa trừ nợ cho bị đơn, yêu cầu Tòa án xem xét để bị đơn tiếp tục hợp đồng vay chứ bị đơn chưa có điều kiện để trả nợ gốc và lãi một lần. Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ tài liệu có tại hồ sơ ở cấp sơ thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn trả số tiền 202.804.870 (Trong đó tiền nợ gốc là 201.000.000đ, lãi quá hạn 20 ngày là 1.804.870đ) tính đến ngày xét xử sơ thẩm trong đó ngân hàng đã trừ đi lãi và nợ gốc bị đơn đã trả. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng trình bày: sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/11/2019, Ngân hàng nhận được 10.000.000đ do bà Lê Mo L chuyển trả nợ, Ngân hàng đã thu gốc 8.000.000đ, lãi 1.994.856đ. Như vậy, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm ngày 08/6/2020, vợ chồng ông T, bà L còn nợ Ngân hàng gốc 193.000.000đ, lãi là 18.789.740đ. Vợ chồng ông T, bà L chấp nhận còn nợ Ngân hàng số tiền trên nhưng do điều kiện chưa khai thác được keo nên xin Ngân hàng được trả dần 02 đợt từ nay đến cuối năm 2020, mỗi đợt trả  $\frac{1}{2}$  nợ gốc và lãi, tuy nhiên Ngân hàng không chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đến ngày xét xử phúc thẩm ngày 08/6/2020, bị đơn đã trả được một phần nợ gốc và lãi, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện nên chấp nhận sửa một phần án sơ thẩm về nợ gốc và nợ lãi, buộc bị đơn phải trả một lần nợ gốc 193.000.000đ, lãi là 18.789.740đ, tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết kể từ ngày 09/6/2020 cho đến khi trả hết nợ.

[2] Trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: quyền sử dụng tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 72, diện tích 2.016m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện S (trong đó đất ở 500m<sup>2</sup>, đất sản xuất 1.516m<sup>2</sup>) đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BP737977 do UBND huyện S cấp ngày 30/01/2015.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Sô Minh T. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới.

[4] Về án phí: bị đơn ông Sô Minh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định tại bản án sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS, Khoản 16 Điều 4, Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 Bộ luật Dân sự. Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K.

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Sô Minh T, bà Lê Mo L có nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền 211.789.740 (Trong đó tiền nợ gốc là 193.000.000đ, lãi quá hạn là 18.789.740đ). Kể từ ngày 09/6/2020, bị đơn vợ chồng Sô Minh T và bà Lê Mo L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng theo lãi suất tại các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: quyền sử dụng tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 72, diện tích 2.016m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện S (trong đó đất ở 500m<sup>2</sup>, đất sản xuất 1.516m<sup>2</sup>) đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BP737977 do UBND huyện S cấp ngày 30/01/2015.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu 10.589.000đ án phí DSST và không phải chịu án phí DSPT, được khấu trừ 2.000.000đ đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0014704 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S nên còn phải nộp 8.589.000đ (Tám triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 5.564.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0014651 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND H. S (2);
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu: HSV.A.

**Vũ Ngọc Hà**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Tấn Hoàng      Nguyễn Hữu Trúc**

**Vũ Ngọc Hà**